

**CÔNG TY CỔ PHẦN SECUGRAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SECUGRAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SECUGRAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SECUGRAM JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109606381

**3. Ngày thành lập:** 22/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

272 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966208595

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                     | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)           | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                 | 1820     |
| 4.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                | 2610     |
| 5.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | 2620     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                            | 2630     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | <p>Sản xuất thiết bị điện khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;</li> <li>- Sản xuất chuông điện;</li> <li>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;</li> <li>- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);</li> <li>- Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;</li> <li>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);</li> <li>- Sản xuất máy triệt sự tràn;</li> <li>- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;</li> <li>- Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác;</li> <li>- Sản xuất máy thực hành gia tốc;</li> <li>- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;</li> <li>- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;</li> <li>- Sản xuất nam châm điện;</li> <li>- Sản xuất còi báo động;</li> <li>- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;</li> <li>- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.</li> </ul> | 2790 |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3313 |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3314 |
| 11. | <p>Sửa chữa thiết bị khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;</li> <li>- Sửa chữa dây, đòn bẫy, buồm, mái che;</li> <li>- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;</li> <li>- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;</li> <li>- Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;</li> <li>- Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3319 |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 15. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4741        |
| 16. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                        | 5820        |
| 17. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây                                                                                                                                          | 6110        |
| 18. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet;<br>- Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu;<br>- Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử;<br>- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng. | 6190        |
| 19. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 20. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                         | 6209(Chính) |
| 22. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                           | 6120        |
| 23. | Hoạt động viễn thông vệ tinh                                                                                                                                                                                                             | 6130        |
| 24. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 25. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Hoạt động điều hành các website ( Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                     | 6312        |
| 26. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (không bao gồm việc tìm kiếm thông tin pháp luật cấm)   | 6399        |
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 28. | Quảng cáo<br>Trừ hoạt động quảng cáo bị cấm tại điều 8 Luật Quảng cáo 2012)                                                                                                                                                              | 7310        |

|     |                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu hàng hóa;<br>- Hoạt động ủy thác nhập khẩu | 8299 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                          | 9512 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                        | 9521 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                        | 8220 |
| 33. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                           | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN TRUNG HIẾU | Số nhà 80, tổ 12, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 49.990     | 499.900.000           | 49,990    | 050868519                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 49.990     | 499.900.000           | 49,990    |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                   |                                    |        |             |        |                  |
|---|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | PHẠM TÙNG<br>DƯƠNG   | 97 Văn Cao,<br>Phường Đăng<br>Giang, Quận Ngô<br>Quyền, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 | 0310870044<br>20 |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Tổng số                            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 |                  |
| 3 | NGUYỄN<br>THANH TÙNG | 128A Lê Thánh<br>Tông, Phường<br>Máy Chai, Quận<br>Ngô Quyền,<br>Thành phố Hải<br>Phòng, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 | 0310920056<br>60 |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Tổng số                            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 |                  |
| 4 | HOÀNG<br>TUẤN ANH    | Hoàng Quốc Việt,<br>Phường Tân<br>Phong, Thành phố<br>Lai Châu, Tỉnh<br>Lai Châu, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 | 045101666        |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                   | Tổng số                            | 16.670 | 166.700.000 | 16,670 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN TRUNG HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/04/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 050868519

Ngày cấp: 22/05/2010

Nơi cấp: Công an Tỉnh Sơn La

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 80, tổ 12, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 80, tổ 12, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội